TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC I** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------** Bản án số: **16/2025**/KDTM-ST Ngày 30 tháng 07 năm 2025 *V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt**

+ Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Dương Thị Diễm**

2. Ông **Phạm Bá Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, thành phố Hà Nội mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 95/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 06 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện: Ông P**hạm Toàn V** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên được ủy quyền: Ngân hàng N – Chi nhánh H

Trụ sở: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà chung cư S, số 176 Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội

Người được ủy quyền: **Ông Hoàng Anh T** – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh.

Người được ủy quyền lại: **Ông Phạm Trung T** – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Hoàng Mai; **Ông Hồ Huy H**– Chức vụ: Phó phụ trách phòng Xử lí nợ - Ngân hàng A - Chi nhánh H

- Bị đơn: Công ty cổ phần H

Địa chỉ: Số 16 N, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện: **Trần Ngọc Th**– Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N do Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Trung T trình bày:

Công ty cổ phần H có giấy đề nghị vay vốn gửi Ngân hàng N - Chi nhánh Nam Hà Nội (Ngân hàng N -Chi nhánh N) và đã được Ngân hàng N - Chi nhánh N đồng ý cấp tín dụng, ký các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ được giải ngân với nội dung cụ thể như sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201900968 ký ngày 19/07/2019

- Phương thức cho vay: Từng lần.
- Số tiền cho vay: 10.390.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua phân bón DAP 18-46-0 theo Hợp đồng mua bán số 25/6/2019/HĐMB ngày 25/06/2019, phụ lục hợp đồng mua bán phân bón số 25.1/6/2019/HĐMB ngày 09/07/2019 ký giữa Công ty CP H và Công ty CP Tập đoàn V
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân nhận nợ.
- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Tổng dư nợ quá hạn: 12.002.884.983 đồng, trong đó:
  + Số tiền nợ gốc: 9.620.000.000 đồng.
  + Số tiền nợ lãi:2.382.884.983 đồng.

1.2. Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201901025 ký ngày 30/07/2019

- Phương thức cho vay: Từng lần.
- Số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua phân bón DAP 18-46-0 theo Hợp đồng mua bán số 16/7/2019/HĐMB ngày 16/07/2019 ký giữa Công ty CP H và Công ty CP Tập đoàn V
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân nhận nợ.
- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Tổng dư nợ quá hạn: 12.465.550.684 đồng, trong đó:
  + Số tiền nợ gốc: 10.000.000.000 đồng.

  + Số tiền nợ lãi: 2.465.550.684 đồng.

1.3. Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201901318 ký ngày 25/09/2019

- Phương thức cho vay: Từng lần.
- Số tiền cho vay: 8.000.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua phân bón DAP 18-46-0 theo Hợp đồng mua bán số 03.9/2019/HĐMB ngày 03/09/2019 ký giữa Công ty CP H và Công ty CP Tập đoàn V

- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân nhận nợ.
- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Tổng dư nợ quá hạn: 2.436.826.590 đồng, trong đó:
  + Số tiền nợ gốc: 1.123.688.407 đồng.

  + Số tiền nợ lãi: 1.313.138.183 đồng.

1.4. Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201901487 ký ngày 04/11/2019

- Phương thức cho vay: Từng lần.
- Số tiền cho vay: 8.200.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua phân bón DAP 18-46-0 theo Hợp đồng mua bán số 16.10/2019/HĐMB ngày 16/10/2019 ký giữa Công ty CP H và Công ty CP Tập đoàn V
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân nhận nợ.
- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Tổng dư nợ quá hạn: 10.321.823.012 đồng, trong đó:
  + Số tiền nợ gốc: 8.200.000.000 đồng.

  + Số tiền nợ lãi: 2.121.823.012 đồng.

1.5. Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201901596 ký ngày 28/11/2019

- Phương thức cho vay: Từng lần.
- Số tiền cho vay: 11.000.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua phân bón DAP 18-46-0 theo Hợp đồng mua bán số 15.11/2019/HĐMB ngày 15/11/2019 ký giữa Công ty CP H và Công ty CP Tập đoàns V
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân nhận nợ.
- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Tổng dư nợ quá hạn: 14.120.880.220 đồng, trong đó:
  + Số tiền nợ gốc: 11.200.000.000 đồng.

  + Số tiền nợ lãi: 2.920.880.220 đồng.

1.5. Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201901563 ký ngày 19/11/2019

- Phương thức cho vay: Từng lần.
- Số tiền cho vay: 11.200.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua phân bón DAP 18-46-0 theo Hợp đồng mua bán số 02.11/2019/HĐMB ngày 02/11/2019 ký giữa Công ty CP H và Công ty CP Tập đoàn V
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân nhận nợ.

- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Tổng dư nợ quá hạn: 14.120.880.220 đồng, trong đó:
  + Số tiền nợ gốc: 11.200.000.000 đồng.

  + Số tiền nợ lãi: 2.920.880.220 đồng.

1.6. Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201901596 ký ngày 28/11/2019

- Phương thức cho vay: Từng lần.
- Số tiền cho vay: 11.000.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua phân bón DAP 18-46-0 theo Hợp đồng mua bán số 15.11/2019/HĐMB ngày 15/11/2019 ký giữa Công ty CP H và Công ty CP Tập đoàn V
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân nhận nợ.
- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Tổng dư nợ quá hạn: 13.881.306.849 đồng, trong đó:
  + Số tiền nợ gốc: 11.000.000.000 đồng.

  + Số tiền nợ lãi: 2.881.306.849 đồng.

- Đến thời điểm Ngân hàng A - Chi nhánh H làm đơn kiện này Công ty cổ phần H chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi như sau:
  - Tổng dư nợ gốc: 51.143.688.407 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm linh bảy đồng).
  - Nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09/06/2025: 14.085.583.931 đồng.

Biện pháp bảo đảm cho các khoản vay trên: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Việc vi phạm nghĩa vụ: Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nói trên, Công ty cổ phần H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A - Chi nhánh H, quá hạn từ ngày 20/01/2020 đến nay.

Tính đến hết ngày 09 tháng 06 năm 2025, tổng dư nợ gốc và lãi của Công ty cổ phần H tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng N - Chi nhánh N là: 65.229.272.338 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng), trong đó:

- Tổng dư nợ gốc: 51.143.688.407 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm linh bảy đồng).
- Nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09/06/2025: 14.085.583.931 đồng.

Ngân hàng N - Chi nhánh N đã nhiều lần làm việc trực tiếp và/hoặc có văn

bản yêu cầu Công ty cổ phần H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo các Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ. Tuy nhiên, tính đến nay, Công ty cổ phần H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Agribank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với A, cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Agribank gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của A.

Vì vậy, căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng đã ký kết và căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Agribank (thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh H) làm đơn kiện này, kính đề nghị Tòa án Nhân dân Quận B - thành phố Hà Nội là Tóa án có thẩm quyền giải quyết.

Tuyên buộc Công ty cổ phần H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh):

- Tổng dư nợ gốc: 51.143.688.407 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm linh bảy đồng).
- Nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09/06/2025: 14.085.583.931 đồng.
- Tổng cộng gốc và lãi đến hết ngày 09/06/2025 là: 65.229.272.338 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng).
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay.
- Công ty cổ phần H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty cổ phần H trả hết nợ gốc cho Agribank.

1. Yêu cầu xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của các cổ đông sáng lập Công ty cổ phần H để thu hồi nợ:

Trong trường hợp Công ty cổ phần H không thực hiện hoặc chậm thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A (thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh H) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty cổ phần H, các cổ đông sáng lập Công ty cổ phần H (Bà Trần Thị N, Ông Trần Ngọc T, Công ty Cổ phần Đ) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: ***Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần H – ông Trần Ngọc T trình bày:***

Ông xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty CP H theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tại Ngân hàng A - Chi nhánh H như nguyên đơn đã trình bày là phù hợp với thực tế và phù hợp với biên bản đối chiếu công nợ giữa các bên. Ông đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông T xác định với khả năng tài chính như hiện nay của công ty CP H đề nghị Nguyên đơn gia hạn thanh toán trong thời gian 48 tháng kể từ tháng 7.2025. Trong trường hợp nếu nguyên đơn không nhất trí với lộ trình thanh toán như ông T trình bày ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu xác định bà Trần Thị Nlà cổ đông sáp lập ông Trần Ngọc T xác định bà Trần Thị N đã chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần cho ông, hiện không còn quyền và nghĩa vụ liên quan gì đến công ty cổ phần H

Do tính chất công việc ông Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đều giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, thành phố Hà Nội:

- *Về tố tụng:* Việc thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội theo đề nghị cuả nguyên đơn là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định theo bộ luật tố tụng dân sự là đúng thủ tục.

- *Việc chấp hành pháp luật về cho vay của nguyên đơn*: Việc xét duyệt cho vay (quy trình thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay, giải ngân vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ...) của nguyên đơn đối với bị đơn hoàn toàn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của NHNN Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và hướng dẫn của Ngân hàng N về quy trình cho vay.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt sau khi đã trình bày quan điểm và cung cấp tài liệu chứng cứ theo đúng yêu cầu của Tòa án.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho Nguyên đơn theo 06 hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh N (Nay là Ngân hàng A - Chi nhánh H) và Công ty cổ phần H.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901596 ký ngày 28/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901563 ký ngày 19/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901487 ký ngày 04/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901318 ký ngày 25/09/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901025 ký ngày 30/07/2025; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201900968 ký ngày 19/07/2019 được ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh N và Công ty cổ phần H, mục đích vay vốn để mua nguyên vật liệu kinh doanh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty cổ phần H không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh N khi đến hạn trả nợ. Do vậy, nguyên đơn đã khởi kiện bị đơn đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội), đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán trả Ngân hàng N - Chi nhánh N toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh, xác định thẩm quyền theo thỏa thuận của các bên khi ký kết Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội) thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều tham gia các phiên làm việc tại Tòa án theo đúng quy định. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung: Việc chấp hành pháp luật về cho vay của nguyên đơn: Việc thẩm định và xét duyệt cho vay của nguyên đơn đối với bị đơn hoàn toàn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của NHNN Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và hướng dẫn của Ngân hàng N về quy trình cho vay.

Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901596 ký ngày 28/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901563 ký ngày 19/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901487 ký ngày 04/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901318 ký ngày 25/09/2019; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201901025 ký ngày 30/07/2025; Hợp đồng tín dụng số 1460 – LAV – 201900968 ký ngày 19/07/2019 được ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh N và

Công ty cổ phần H đã giải ngân đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng đã ký và Công ty cổ phần H đã ký khế ước nhận nợ đúng nội dung Hợp đồng tín dụng .

Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N - Chi nhánh N và Công ty cổ phần H được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng tín dụng các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng N - Chi nhánh N đã có nhiều thông báo cho công ty về khoản nợ trên đã được chuyển sang thành nợ quá hạn theo quy định của các Hợp đồng tín dụng quy định về thời hạn và phương thức trả nợ nhưng công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do đó, việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán trả Ngân hàng N - Chi nhánh N số tiền như đơn khởi kiện yêu cầu là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày trong các buổi làm việc tại Tòa án buộc Công ty cổ phần H thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 30 tháng 07 năm 2025 tổng số: **65.405.871.307 đồng** *(Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ bốn trăm linh năm triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm linh bảy đồng)*. Trong đó:

+ Dư nợ gốc: **51.143.688.407 đồng**

+ Dư nợ lãi tạm tính: **14. 432.182.900 đồng.**

Và khoản lãi phát sinh sau ngày 30 tháng 07 năm 2025 đến khi Công ty cổ phần H trả hết nợ vay tại Ngân hàng A - Chi nhánh H .

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền theo yêu cầu thanh toán của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 299, 317, 318, 319, 323, 369, 463, 466, 468; Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và điểm d mục 1.4 Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh H.

Công ty cổ phần H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A - Chi nhánh H toàn bộ số tiền đến hết ngày 30 tháng 07 năm 2025 là **65.405.871.307 đồng** *(Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ bốn trăm linh năm triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm linh bảy đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc: **51.143.688.407 đồng;** Dư nợ lãi tạm tính đến ngày 30/07/2025**: 14. 432.182.900 đồng.** Và khoản lãi phát sinh sau ngày 30 tháng 07 năm 2025 đến khi Công ty cổ phần H trả hết nợ vay tại Ngân hàng A - Chi nhánh H .

Kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A - Chi nhánh H thì lãi suất mà Công ty cổ phần H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A - Chi nhánh H cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A - Chi nhánh H.

Trong trường hợp Công ty cổ phần H không thực hiện hoặc chậm thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A - Chi nhánh N (thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh H) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty cổ phần H, các cổ đông sáng lập Công ty cổ phần H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; Người liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần H phải chịu số tiền **173.405.871 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm linh năm nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng)* án phí sơ thẩm;

- Ngân hàng A - Chi nhánh H không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **79.571.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0031xxx ngày 13/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội .

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30 tháng 07 năm 2025. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội.*
- *VKSND khu vực 1 – Hà Nội;*
- *Phòng THADS khu vực 1 – Hà Nội;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt

